

FACTORS AFFECTING THE IMPLEMENTATION OF HIGHER EDUCATION INTERNATIONALIZATION AT NONG LAM UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY

Duong Thi Thu Thinh, Do Tan Duong, Nguyen Ngoc Thuy*

Nong Lam University – Ho Chi Minh City

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	02/6/2021	This study is implemented to understand the views of the staff and lecturers working at Nong Lam University - Ho Chi Minh City on the implementation of the internationalization of higher education at the university. This is a quantitative research with the participation of 199 staff and lecturers. The survey was conducted using Google survey form. Respondents were asked to answer a 52-item questionnaire. The results showed that most of the survey respondents recognized the importance of six factors including commitment, organizational structure - personnel, educational program - results, policies, student mobility, and environment. Specifically, the curricula, the integration of international studies, and the global themes were considered to be major aspects of the university's internationalization. In addition, they agreed that the organizational structure - personnel factors influenced the internationalization of higher education at the research setting.
Revised:	11/6/2021	
Published:	16/6/2021	
KEYWORDS		
Internationalization		
Higher Education		
Factors		
Nong Lam University		
Ho Chi Minh City		

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Dương Thị Thu Thịnh, Đỗ Tấn Dương, Nguyễn Ngọc Thùy*

Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	02/6/2021	Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu những quan điểm của cán bộ, giảng viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục tại Nhà trường. Đây là một nghiên cứu định lượng với sự tham gia của 199 cán bộ, giảng viên. Phiếu khảo sát được tạo trên Google form và gửi qua email cá nhân cho tất cả cán bộ giảng viên của nhà trường. Những người tham gia được yêu cầu trả lời một bảng câu hỏi gồm 52 câu. Kết quả cho thấy hầu hết đối tượng khảo sát đều nhận thấy tầm quan trọng của 6 nhân tố gồm: cam kết, cơ cấu tổ chức - nhân sự, chương trình giáo dục - kết quả, chính sách, dịch chuyển sinh viên và môi trường hợp tác quốc tế. Cụ thể là họ nhận định rằng chương trình giảng dạy, tích hợp các nghiên cứu quốc tế và những chủ đề toàn cầu là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện quốc tế hóa của Trường.
Ngày hoàn thiện:	11/6/2021	
Ngày đăng:	16/6/2021	
TỪ KHÓA		
Quốc tế hóa		
Giáo dục đại học		
Nhân tố		
Đại học Nông Lâm		
Thành phố Hồ Chí Minh		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4579>

* Corresponding author. Email: nnthuy@hcmuaf.edu.vn

1. Giới thiệu

Hiện nay, nhu cầu về đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao là một vấn đề quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Các cơ sở giáo dục, đặc biệt là trường đại học đang đứng trước những thách thức lớn trong việc trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết cho sinh viên có thể đáp ứng được yêu cầu của hệ thống tuyển dụng quốc tế [1]. Nhận thức được tầm quan trọng này, Giáo dục Việt Nam đã tích cực triển khai, xây dựng khung trình độ quốc gia (VQF) để đáp ứng yêu cầu thiết lập mối quan hệ với khung trình độ quốc gia của các nước trong khu vực theo Khung tham chiếu các trình độ ASEAN (AQRF). Nhằm mục đích so sánh các trình độ, công nhận văn bằng lẫn nhau giữa các quốc gia thành viên [2]. Thông qua đó tạo ra cơ chế liên thông giữa các trình độ đào tạo của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hay nói cách khác, quá trình quốc tế hóa giáo dục là chìa khóa quan trọng đến sự phát triển toàn diện theo hướng hiện đại của các trường đại học. Quốc tế hóa sẽ giúp nâng cao chất lượng giáo dục đại học qua sự trao đổi, học hỏi và những trải nghiệm khác biệt về văn hóa [3]. Đồng thời, quốc tế hóa sẽ đẩy nhanh tiến độ giao lưu giữa các quốc gia, cũng như nâng cao vị thế của các cơ sở giáo dục trên bảng xếp hạng của khu vực và thế giới.

Để nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến quốc tế hóa giáo dục đại học, các học giả đã phân loại thành nhiều nhân tố khác nhau căn cứ vào khu vực và thực trạng riêng của từng cơ sở. Tại Florida [4] Bendriss đã phân tích và đo lường mức độ quốc tế hóa trong các trường đại học. Nghiên cứu còn xác định các nhân tố chính gồm cam kết, chương trình giảng dạy, cơ sở hạ tầng, tài trợ, đầu tư cho giảng viên và các chương trình của sinh viên quốc tế có ảnh hưởng đến tiến trình này. Một nghiên cứu khác ở Đài Loan đưa ra bộ chỉ số đánh giá quốc tế hóa giáo dục gồm: các cam kết thể chế, lập kế hoạch chiến lược, tài trợ, chính sách, cơ sở hạ tầng, chương trình giảng dạy – học thuật, Internet, nguồn nhân lực, sinh viên – học giả quốc tế, du học, môi trường nội bộ, đánh giá [5]. Để làm nổi bật sự cần thiết của quốc tế hóa trong chương trình giảng dạy, Vajargah [6] đã tiến hành khảo sát và phỏng vấn thông qua bảng câu hỏi. Kết quả chỉ ra rằng quốc tế hóa chương trình giảng dạy là cần thiết theo xu hướng toàn cầu hóa và văn hóa tại Iran. Bên cạnh đó, phương pháp giáo dục từ xa và chương trình giảng dạy thông qua Internet là một chiến lược nổi bật cho quốc tế hóa chương trình giảng dạy trong hệ thống giáo dục đại học của Iran. Hơn nữa, để làm rõ về khái niệm quốc tế hóa, Ramanathan cùng cộng sự nỗ lực xây dựng khung khái niệm gồm ba nhóm yếu tố: yếu tố sơ bộ, yếu tố chiến lược và quá trình quốc tế hóa tại trường đại học tư nhân [7]. Tác giả chỉ ra rằng có ba hoạt động cốt lõi của trường đại học là giảng dạy, nghiên cứu và dịch vụ cần được tích hợp quốc tế hóa để đảm bảo sự bền vững và cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Ở Việt Nam, thực trạng giáo dục đại học còn nhiều hạn chế và chậm đổi mới. Những thành quả đạt được chưa ổn định và hệ thống, chưa đáp ứng được nhu cầu của quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước. Nhiều hạn chế trong phương pháp đào tạo, cơ chế quản lý, đội ngũ cán bộ giảng viên, thủ tục [8]. Nhưng cũng không thể phủ nhận tầm quan trọng của việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục ở các cơ sở đại học. Nguyễn Đông Phong [9] đã chia sẻ những quan điểm của các lãnh đạo cấp cao, những người đã tham gia hoặc đang lên kế hoạch quốc tế hóa giáo dục tại Việt Nam. Thông qua phỏng vấn, nghiên cứu cho thấy nhu cầu và những lợi ích của quốc tế hóa đối với các trường đại học ở Việt Nam. Theo Trần Thị Tuyết (2014) cho rằng quốc tế hóa giáo dục ở Việt Nam được coi là chính sách quan trọng nhất để đảm bảo sự phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nước [10]. Cụ thể hơn, Nguyễn Thúy Hồng Vân [11] đã nghiên cứu xây dựng chiến lược quốc tế hóa giáo dục đại học tại Trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2017. Công trình đã khái quát một số quan điểm lý luận về quốc tế hóa giáo dục, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực thực hiện quốc tế hóa tại Trường.

Đối với Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh mặc dù đã sớm chú trọng đến vấn đề quốc tế hóa giáo dục đại học, chủ động đẩy mạnh mối quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy quá trình hội nhập về giáo dục, triển khai nhiều chương trình, dự án hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và đào tạo. Tuy nhiên, tiến trình quốc tế hóa giáo dục đại học

của Trường vẫn trong giai đoạn khởi đầu và cần có những công trình nghiên cứu góp phần xây dựng chiến lược phù hợp cho nhà Trường. Với mục đích đó, bài báo tập trung phân tích quan điểm của đội ngũ cán bộ, giảng viên về các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học, làm cơ sở cho việc đề ra chiến lược quốc tế hóa giáo dục tại trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng cán bộ, giảng viên tại Trường gồm hơn 800. Hiện nay, Nhà trường có 14 Khoa/Bộ môn, 15 Phòng/Đơn vị chức năng, 9 Trung tâm đào tạo, nghiên cứu và dịch vụ, 01 Viện nghiên cứu.

2.2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu là những cán bộ, giảng viên của Trường. Để xác định cỡ mẫu điều tra thì tác giả tham khảo phương pháp lấy mẫu của Hair [12], quy mô mẫu sẽ gấp 5 lần số biến quan sát trong phân tích nhân tố EFA [13]. Theo Nguyễn Đình Thọ [14] nhận định rằng việc sử dụng phân tích nhân tố khám phá EFA thì kích thước mẫu tối thiểu phải là 50, tốt hơn là 100 và tỉ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1, nghĩa là biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát. Số quan sát tối thiểu cần thiết là $n = 5k$. Nghiên cứu này gồm có 28 biến quan sát cần tiến hành phân tích nhân tố nên lượng quan sát tối thiểu cần thiết sẽ là: $n = 5 \times 28 = 140$ (quan sát). Tuy nhiên, nghiên cứu ghi nhận 199 bảng khảo sát từ các thầy/cô gồm 111 nam (chiếm 55,8%) và 87 nữ (chiếm 43,7%) và 01 giới tính khác (chiếm 0,5%). Độ tuổi giai đoạn từ 25 - dưới 35 tuổi có 43 phiếu (chiếm 21,6%), từ 35 tuổi - dưới 45 tuổi có 109 phiếu (chiếm 54,8%), từ 45 - dưới 55 tuổi có 36 phiếu (chiếm 18,1%) và trên 55 tuổi thì có 11 phiếu (chiếm 5,5%).

2.3. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Bảng khảo sát được xây dựng nhằm mục đích tìm hiểu quan điểm của các cán bộ, giảng viên tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Bảng câu hỏi này được xây dựng theo mô hình CIGE [15] để đo lường 06 nhân tố: cam kết, cơ cấu tổ chức - nhân sự, chương trình giáo dục - kết quả, chính sách, dịch chuyển sinh viên và môi trường hợp tác quốc tế ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục của Trường. Bảng câu hỏi gồm 28 câu về nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa chia làm 06 nhóm chính với hệ số tin cậy (Cronbach's Alpha) là 0,862. Theo bảng phân loại của George và Mallery [16] thì hệ số tin cậy của bảng này nằm trong khoảng tốt ($0,80 < \alpha < 0,90$). Điều này có nghĩa là bảng câu hỏi đủ độ tin cậy để thu thập dữ liệu cho nghiên cứu này.

Để phân tích dữ liệu định lượng được thu thập từ bảng câu hỏi, sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 20, gồm giá trị trung bình (M) và độ lệch chuẩn (SD). Giá trị trung bình theo thang đo 05 mức độ của Likert được quy đổi thành các khoảng dưới đây:

- 1,00 – 1,80: Rất không đồng ý
- 1,81 – 2,60: Không đồng ý
- 2,61 – 3,40: Bình thường
- 3,41 – 4,20: Đồng ý
- 4,21 – 5,00: Rất đồng ý

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả

Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học về việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học nhưng tập trung chủ yếu là các nghiên cứu định tính. Chỉ có một số ít trong đó sử dụng phương pháp nghiên cứu nhân tố định lượng. Điển hình như nghiên cứu của Alhalwaki [15] và Yemini [17] cùng đưa ra 06 nhân tố đánh giá việc thực hiện quốc tế hóa thì chỉ có nghiên cứu

của Alhalwaki là một trong ít những nghiên cứu định lượng. Trong 06 nhân tố giả thuyết ban đầu, kết quả nghiên cứu của Alhalwaki chỉ chấp nhận ba biến là cam kết, cơ cấu tổ chức – nhân sự và dịch chuyển sinh viên là những nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục. Dựa trên nghiên cứu của Alhalwaki, tác giả tiếp tục chọn phân tích sáu nhân tố: (1) cam kết, (2) cơ cấu tổ chức – nhân sự, (3) chương trình giáo dục – kết quả, (4) chính sách, (5) dịch chuyển sinh viên và (6) môi trường hợp tác quốc tế vào việc nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến quốc tế hóa giáo dục tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả khảo sát từ quan điểm của các cán bộ, giảng viên Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy 06 nhân tố trên đều có ảnh hưởng đến quốc tế hóa giáo dục đại học tại Trường. Kết quả cụ thể như sau, Nội dung của Bảng 1 là về giá trị trung bình tổng của sáu nhóm. Kết quả cho thấy nhóm chương trình giáo dục – kết quả có giá trị trung bình cao nhất ($M=4,04$; $SD=0,60$). Tiếp đến là nhóm cơ cấu tổ chức – nhân sự có giá trị trung bình thứ hai ($M=3,96$; $SD=0,65$). Hai nhóm có giá trị trung bình ngang nhau là nhóm cam kết ($M=3,94$; $SD=0,62$) và nhóm dịch chuyển sinh viên ($M=3,94$; $SD=0,59$). Hai nhóm có giá trị trung bình thấp nhất là nhóm chính sách ($M=3,89$; $SD=0,61$) và nhóm môi trường hợp tác quốc tế ($M=3,84$; $SD=0,51$).

Bảng 1. Giá trị trung bình tổng của sáu nhân tố ảnh hưởng

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	Cam kết	3	3,94	0,62
2	Cơ cấu tổ chức – nhân sự	2	3,96	0,65
3	Chương trình giáo dục – kết quả	1	4,04	0,60
4	Chính sách	5	3,89	0,61
5	Dịch chuyển sinh viên	4	3,94	0,59
6	Môi trường hợp tác quốc tế	6	3,84	0,51

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

Cụ thể, nghiên cứu sẽ trình bày kết quả giá trị trung bình của từng mục trong sáu nhóm kể trên. Theo Bảng 2 về giá trị trung bình của nhóm cam kết, các thầy/cô cho rằng việc gắn quốc tế hóa vào chiến lược có ý nghĩa định hướng sự phát triển của Nhà trường ở một tầm cao mới ($M=4,25$; $SD=0,79$). Thầy/cô cũng đồng tình với ý kiến rằng nội dung chiến lược quốc tế hóa phù hợp và rõ ràng sẽ thu hút được nhiều nguồn lực tham gia vào tiến trình ($M=4,18$; $SD=0,78$). Việc đưa ra các chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) sẽ thúc đẩy tiến độ của quá trình thực hiện quốc tế hóa được sự ủng hộ của các thầy/cô ($M=4,00$; $SD=0,94$). Cuối cùng, với thực trạng của Nhà trường là đã có chiến lược để hoàn thành mục tiêu quốc tế hóa thì thầy/cô chọn mức bình thường ($M=3,34$; $SD=1,03$).

Bảng 2. Giá trị trung bình của nhân tố cam kết

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	Việc gắn QTH vào chiến lược có ý nghĩa định hướng sự phát triển của Nhà trường ở một tầm cao mới.	1	4,25	0,79
2	Nội dung chiến lược QTH phù hợp, rõ ràng sẽ thu hút được nhiều nguồn lực cho quá trình QTH.	2	4,18	0,78
3	Việc đưa ra các chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPIs) sẽ thúc đẩy tiến độ của quá trình QTH.	3	4,00	0,94
4	Nhà trường đã có chiến lược để đạt hiệu quả mục tiêu QTH.	4	3,34	1,03

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

Theo số liệu từ Bảng 3 về giá trị trung bình của nhân tố cơ cấu tổ chức – nhân sự, thầy/cô rất đồng tình với quan điểm là đội ngũ cán bộ, giảng viên có chuyên môn làm việc đúng vị trí sẽ góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường ($M=4,32$; $SD=0,78$). Thầy/cô cũng đồng ý với việc áp dụng những chuẩn mực, quy định quốc tế sẽ thúc đẩy sự chuyên nghiệp trong công tác ($M=4,12$; $SD=0,82$). Ý kiến có giá trị trung bình cao thứ ba là phân chia rõ ràng nhiệm vụ, chức năng quốc

tế của các đơn vị trong Nhà trường sẽ có ý nghĩa thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa ($M=3,97$; $SD=0,87$). Theo thầy/cô thì việc thành lập một đơn vị chuyên trách thì khá cần thiết ($M=3,72$; $SD=1,02$). Cuối cùng, tuyển nhân sự chuyên trách để quản lý các hoạt động quốc tế chưa phải là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình quốc tế hóa ($M=3,67$; $SD=1,04$).

Bảng 3. Giá trị trung bình của nhân tố cơ cấu tổ chức – nhân sự

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	Việc thành lập một đơn vị chuyên trách về QTH là cần thiết.	4	3,72	1,02
2	Phân chia rõ ràng nhiệm vụ, chức năng QTH của các đơn vị trong Nhà trường sẽ có ý nghĩa thúc đẩy tiến trình QTH.	3	3,97	0,87
3	Tuyển nhân sự chuyên trách để quản lý các hoạt động quốc tế là yếu tố quan trọng góp phần vào quá trình QTH giáo dục.	5	3,67	1,04
4	Áp dụng các quy định, chuẩn mực quốc tế sẽ thúc đẩy sự chuyên nghiệp, năng lực của đội ngũ giảng viên.	2	4,12	0,82
5	Đội ngũ cán bộ, giảng viên có chuyên môn làm việc đúng vị trí trong Nhà trường sẽ góp phần nâng cao vị thế của Nhà trường trong tiến trình QTH.	1	4,32	0,78

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

Bảng 1 cho thấy giá trị trung bình tổng của nhóm nhân tố chương trình giáo dục – kết quả có giá trị trung bình cao nhất ($M=4,04$). Cụ thể, theo thầy/cô quốc tế hóa chương trình giảng dạy có ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội nghề nghiệp của sinh viên ($M=4,31$; $SD=0,74$). Khi nội dung chương trình giảng dạy được thiết kế dựa trên Khung trình độ quốc gia và đối chiếu với Khung trình độ khu vực sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho sinh viên. Dẫn đến sự lựa chọn của thầy/cô với nhận định là Nhà trường cần duy trì quá trình chuẩn hóa quốc tế về thiết kế khung chương trình và thực hành chương trình giảng dạy sẽ đứng thứ 2 ($M=4,18$; $SD=0,74$) (bảng 4). Mặt khác, thầy/cô cũng đồng ý rằng việc tích hợp các chương trình đào tạo quốc tế vào chương trình đào tạo hiện tại sẽ giúp tăng tính cạnh tranh trên quốc tế ($M=4,07$; $SD=0,74$). Tuy nhiên, giáo dục từ xa là hình thức phù hợp trong bối cảnh quốc tế hóa hiện nay thì vẫn chưa có nhiều sự đồng ý của thầy/cô ($M=3,58$; $SD=1,04$).

Bảng 4. Giá trị trung bình của nhân tố chương trình giáo dục – kết quả

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	QTH chương trình giảng dạy có ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội nghề nghiệp của sinh viên.	1	4,31	0,74
2	Tích hợp các chương trình đào tạo quốc tế vào chương trình đào tạo hiện tại của Trường Đại học Nông Lâm giúp Nhà trường cạnh tranh ở tầm quốc tế.	3	4,07	0,74
3	Giáo dục từ xa là hình thức phù hợp trong bối cảnh QTH.	4	3,58	1,04
4	Nhà trường cần duy trì quá trình chuẩn hóa quốc tế về thiết kế khung chương trình và thực hành chương trình giảng dạy.	2	4,18	0,74

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

Qua Bảng 1, có thể nhận xét rằng quan điểm của thầy/cô về nhân tố chính sách là không cao ($M=3,89$). Điều này khá tương đồng với nghiên cứu trước về nhân tố chính sách không được đối tượng khảo sát đồng tình đây là nhân tố quan trọng nhất đối với việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học. Với ý kiến rằng chính sách quốc tế hóa hợp lý là yếu tố quan trọng hỗ trợ cho tiến trình quốc tế hóa giáo dục được nhiều thầy/cô đồng tình ($M=4,19$; $SD=0,76$). Thầy/cô cũng đồng ý rằng chuẩn hóa chính sách theo chuẩn mực quốc tế sẽ nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục ($M=4,19$; $SD=0,73$). Ngoài ra, việc tuyển dụng các giảng viên đa quốc gia sẽ làm tăng thêm kinh nghiệm quốc tế cho Nhà trường nhận được ít sự đồng tình hơn 2 ý kiến trên ($M=3,99$; $SD=0,95$). Thầy/cô cũng khá đồng tình về các chuyến thăm giữa các trường Đại học trên thế giới sẽ tăng thêm giá trị chiến lược quốc tế hóa ($M=3,91$; $SD=0,91$). So với 4 ý kiến trên, thì thầy/cô nghĩ rằng thực trạng về chính sách của Nhà trường chưa đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế ($M=3,17$; $SD=1,12$). Số liệu chi tiết được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Giá trị trung bình của nhân tố chính sách

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	Chính sách QTH hợp lý là yếu tố quan trọng hỗ trợ tiến trình QTH giáo dục.	1	4,19	0,76
2	Chuẩn hóa chính sách theo chuẩn mực quốc tế sẽ nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.	2	4,19	0,73
3	Việc tuyển dụng các giảng viên đa quốc gia sẽ làm tăng thêm kinh nghiệm quốc tế cho Nhà trường.	3	3,99	0,95
4	Nhà trường đẩy mạnh các chuyến thăm giữa các trường Đại học trên phạm vi quốc tế được kỳ vọng sẽ tăng thêm giá trị cho chiến lược QTH giáo dục.	4	3,91	0,91
5	Chính sách và thực tiễn trong Nhà trường đã đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.	5	3,17	1,12

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

Theo thầy/cô các chương trình trao đổi sinh viên sẽ nâng cao cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên ở trong và ngoài nước (M=4,31; SD=0,81). Bảng 6 cho thấy các chương trình trao đổi sinh viên thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia được thầy/cô đồng tình thứ 2 trong nhóm nhân tố dịch chuyển sinh viên (M=4,25; SD=0,78). Tuyển sinh viên quốc tế sẽ giúp nâng cao vị thế của Nhà trường cũng được nhiều thầy/cô chấp nhận (M=4,06; SD=0,85). Ngoài ra, thầy/cô cũng khá đồng tình với nhận định là sự đa dạng trong sinh viên sẽ tạo môi trường phát triển tốt (M=4,02; SD=0,79). Nhận được ít sự đồng tình của thầy/cô nhất là ý kiến cho rằng tình hình trao đổi và tuyển du học sinh của Nhà trường thực hiện tốt (M=3,08; SD=1,08).

Bảng 6. Giá trị trung bình của nhân tố dịch chuyển sinh viên

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	Sự đa dạng trong sinh viên sẽ tạo môi trường thực tế tích cực trong việc trau dồi kiến thức, kỹ năng, văn hóa... của sinh viên với nhau.	4	4,02	0,79
2	Tuyển sinh viên quốc tế giúp nâng vị thế của Nhà trường ở tầm quốc tế và tăng doanh thu.	3	4,06	0,85
3	Các chương trình trao đổi sinh viên sẽ nâng cao cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên ở trong và ngoài nước.	1	4,31	0,81
4	Các chương trình trao đổi sinh viên thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia.	2	4,25	0,78
5	Tình hình tuyển du học sinh và trao đổi các chương trình sinh viên đã được thực hiện tốt trong Nhà trường.	5	3,08	1,08

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

Cuối cùng là Bảng 7 về nhóm nhân tố môi trường hợp tác quốc tế với tổng giá trị trung bình đứng thứ sáu trong bảng xếp hạng giá trị trung bình tổng của sáu nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học tại Trường. Các thầy/cô đồng tình với nhận định rằng các cơ quan kiểm định chất lượng cấp chứng nhận sẽ làm tăng vị thế của Nhà trường (M=4,19; SD=0,68). Đứng thứ hai được sự đồng tình của các thầy/cô là tăng cường quan hệ giữa các trường đại học sẽ hỗ trợ cho chiến lược quốc tế hóa (M=4,17; SD= 0,71). Thông qua các mối quan hệ đối tác sẽ cải thiện chất lượng giảng dạy, chương trình giảng dạy và nghiên cứu được khá đồng các thầy/cô lựa chọn (M=4,14; SD = 0,72). Các lợi ích được tạo ra từ các quan hệ hợp tác sẽ bù đắp các chi phí liên quan nằm trong nhóm đồng ý (M=3,64; SD=0,88).

Bảng 7. Giá trị trung bình của nhân tố môi trường hợp tác quốc tế

STT	Nội dung	Hạng	n=199	
			M	SD
1	Tăng cường quan hệ đối tác giữa các trường đại học được mong đợi sẽ hỗ trợ chiến lược QTH giáo dục đại học.	2	4,17	0,71
2	Thông qua quan hệ đối tác, hợp tác góp phần cải thiện chất lượng giảng dạy, chương trình giảng dạy và nghiên cứu.	3	4,14	0,72
3	Các lợi ích được tạo ra từ quan hệ hợp tác quốc tế sẽ bù đắp các chi phí liên quan.	4	3,64	0,88
4	Được các cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo chứng nhận sẽ làm tăng vị thế của Nhà trường trong xếp hạng quốc tế.	1	4,19	0,68
5	Thực trạng chiến lược đối tác, hợp tác đã được thiết lập tốt trong Nhà trường.	5	3,09	1,03

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn)

3.2. Thảo luận

Các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa mà nghiên cứu trình bày gồm: cam kết, cơ cấu tổ chức - nhân sự, chương trình giáo dục - kết quả, chính sách, dịch chuyển sinh viên và môi trường hợp tác quốc tế. Phần thảo luận kết quả phân tích sẽ dựa vào sáu nhân tố kể trên.

Với nhóm chương trình giáo dục – kết quả, theo kết quả định lượng cho thấy nhóm nhân tố này được nhiều sự đồng tình nhất. Việc tạo ra tri thức là nhiệm vụ hàng đầu của một trường đại học, quốc tế hóa chương trình giảng dạy là ưu tiên trong kế hoạch quốc tế hóa giáo dục [18]. Tất cả các lớp học, giảng viên và thiết kế chương trình giảng dạy đều là những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng đạt được quốc tế hóa giáo dục [19]. Theo Shailer [20] quốc tế hóa chương trình giảng dạy là việc thay đổi, phát triển những quy trình nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế gồm nội dung khóa học, tài liệu, mục tiêu, phương pháp giảng dạy và học tập... bên cạnh đó, góp phần đánh giá và hoàn thiện sinh viên theo chuẩn mực quốc tế.

Với nhóm cơ cấu tổ chức – nhân sự, được xếp thứ hai trong sự lựa chọn để đảm bảo đạt hiệu quả việc quốc tế hóa giáo dục. Theo Bùi Anh Tuấn [21], cơ cấu tổ chức là hệ thống các nhiệm vụ, mối quan hệ báo cáo và quyền lực nhằm duy trì sự hoạt động của tổ chức. Cơ cấu tổ chức xác định cách thức phân chia, tập hợp và phối hợp các nhiệm vụ công việc trong tổ chức nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức. Bendriss [4] khẳng định cơ cấu tổ chức có ảnh hưởng tích cực đối với quá trình thực hiện quốc tế hóa giáo dục. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy tầm quan trọng của nhà quản lý chuyên trách gắn liền với sự thành công của tiến trình quốc tế hóa giáo dục.

Với nhóm cam kết, nghiên cứu đã kiểm định sự khác biệt theo nhóm nơi đào tạo. Bảng 8 cho thấy, kết quả kiểm định Levene đối với phương sai giữa hai nhóm đào tạo trong nước và đào tạo nước ngoài có hệ số $Sig = 0,000 < 0,05$, vì thế phương sai giữa hai nhóm là khác nhau. Kiểm định Sig đối với điều kiện phương sai khác nhau cho giá trị bằng $0,014 < 0,05$, do đó kết luận chỉ có duy nhất nhóm cam kết có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê của nhân tố cam kết giữa những thầy/cô từng đào tạo trong nước và những thầy/cô được đào tạo nước ngoài. Có rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tầm quan trọng của nhân tố cam kết trong tiến trình quốc tế hóa. Theo Wit [22] quốc tế hóa giáo dục đại học được coi là một kế hoạch chiến lược với cam kết rõ ràng và sứ mệnh của của các trường đại học. Siaya [23] thì cho rằng hầu hết các tổ chức giáo dục đều đặt quốc tế hóa giáo dục như mục tiêu chiến lược của họ. Quốc tế hóa được coi là chức năng chính trong kế hoạch được đề ra của trường đại học. Những yếu tố có thể nhìn thấy khi thực hiện quốc tế hóa giáo dục qua những cam kết rõ ràng của nhà trường.

Bảng 8. Kết quả kiểm định có sự khác biệt của nhóm cam kết

	Nơi đào tạo	n	M	SD	SE
	Trong nước	111	4,0360	0,70403	0,06682
	Nước ngoài	88	4,2765	0,66132	0,07050
	Kiểm định Levene's		Kiểm định T - test		
Kiểm định Independent Samples	F	Sig.	t	Df	Sig.(2-tailed)
Phương sai đồng nhất	0,000	0,994	-2,458	197	0,015
Phương sai không đồng nhất			-2,476	191,378	0,014

(Ghi chú: n: Số lượng mẫu, M: Giá trị trung bình, SD: Độ lệch chuẩn, SE: Sai số chuẩn)

Với nhóm dịch chuyển sinh viên, là nhân tố thứ tư ảnh hưởng đến việc thực hiện tiến trình này. Britez [24] nhận xét rằng việc thiết lập chiến lược quốc tế hóa giáo dục sẽ thu hút những sinh viên nước ngoài có năng lực, giá trị sẽ giúp cho nhà trường nâng cao được vị thế và năng động hơn trong khu vực. Theo Rauhvagers [25] thì sự di động của sinh viên được chọn là một tiêu chí đánh giá trong xếp hạng quốc tế. Đây là thang đo về xếp hạng quốc tế hóa giáo dục. Từ những định hướng như trên, các trường đại học đã có những giải pháp hỗ trợ sinh viên để khuyến khích thúc đẩy quốc tế hóa.

Với nhóm chính sách, so với các nhân tố còn lại thì nhóm này không có nhiều sự đồng tình của thầy/cô. Tuy đây cũng là một nhân tố khá quan trọng như nhận định của Schoorman [26] cho rằng một chiến lược quốc tế hóa giáo dục muốn đạt được hiệu quả đòi hỏi tất cả các bộ phận,

nhân sự phải cùng tham gia vào một quy trình thực hiện. Wende cho rằng việc khuyến khích thiết lập một chính sách quốc tế hóa dẫn đến sự ảnh hưởng tích cực đến khả năng quốc tế hóa giáo dục [27]. Reichert phát biểu rằng cần tạo ra một bộ phận nhằm đo lường chất lượng quốc tế hóa, các chính sách cần được tuân thủ để đáp ứng những tiêu chuẩn quốc tế [28]. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu thì nhân tố này có giá trị trung bình khá thấp ($M=3,89$).

Cuối cùng là nhóm môi trường hợp tác quốc tế, đối tượng khảo sát có những quan điểm khác nhau và nhân tố này là nhân tố không ảnh hưởng nhất đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục. Đã có ý kiến cho rằng việc được quốc tế công nhận là yếu tố thành công cho tiến trình quốc tế hóa giáo dục. Các trường đại học cần thiết kế lại khung chương trình, hoạt động nghiên cứu, quy trình để phù hợp với chuẩn mực quốc tế [29]. Tuy nhiên, với thực trạng hiện tại thì các thầy/cô đánh giá rằng nhân tố này chưa thật sự ảnh hưởng đến quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Trường.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Nhìn chung, đa số đối tượng khảo sát đồng tình với sáu nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học. Trong sáu nhân tố thì các nhân tố chương trình giáo dục – kết quả nhận được nhiều sự đồng ý nhất của đối tượng khảo sát. Điều này chứng tỏ các cán bộ, giảng viên của Nhà trường tin rằng muốn đạt được kết quả tốt trong quá trình quốc tế hóa giáo dục thì cần quan tâm, đầu tư đến các chương trình đào tạo, tích hợp chuẩn quốc tế vào trong nghiên cứu, giảng dạy. Ở nhóm cơ cấu tổ chức – nhân sự cũng được các thầy/cô đồng ý là nhân tố quan trọng. Thầy/cô cho rằng cần tuyển nhân sự phù hợp, có chuyên môn sẽ giúp tiến trình đạt nhiều thành công hơn. Với hai nhóm yếu tố cam kết và dịch chuyển sinh viên, nhóm khảo sát cũng thừa nhận đây là hai nhóm ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện quốc tế hóa tại Nhà trường. Cuối cùng là hai nhóm không được nhiều sự đồng tình của thầy/cô là nhóm nhân tố chính sách và môi trường hợp tác. Thầy/cô cho rằng chính sách và môi trường hợp tác quốc tế chưa thật sự quan trọng đến việc thực hiện quốc tế hóa.

4.2. Khuyến nghị

Với kết quả thu được từ nghiên cứu, tác giả đề xuất một vài khuyến nghị liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học tại Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Đối với nhóm cam kết, Nhà trường cần đưa mục tiêu quốc tế hóa vào sứ mệnh, chiến lược trong những năm tới. Lên kế hoạch, chiến lược cụ thể và rõ ràng cho từng Phòng/Ban, Khoa, Viện để dễ dàng quản lý. Ngoài ra, cần triển khai bộ chỉ số đánh giá thực hiện công việc để thúc đẩy nỗ lực quốc tế hóa với từng cá nhân và cả tập thể.

Đối với nhóm cơ cấu tổ chức và nhân sự, các cán bộ quản lý cần nắm rõ nội dung công tác và sử dụng đúng người đúng chức năng tránh tình trạng lãng phí. Việc thành lập Ban quốc tế hóa và tuyển dụng những nhân sự chuyên trách về quốc tế hóa là cần thiết nhằm thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa của Nhà trường.

Đối với nhóm chương trình giáo dục và kết quả, từng cán bộ giảng viên tự nâng cao trách nhiệm về việc tích hợp các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế vào trong giảng dạy. Hiện nay, dịch COVID-19 chưa hạ nhiệt, Nhà trường nên tìm phương án dạy và học thích hợp để kịp thời ứng phó với tình hình chung của thế giới.

Đối với nhóm chính sách, Nhà trường cần quan tâm đến những chính sách thu hút và giữ chân nhân tài. Vì con người chính là nhân tố quan trọng trong bất kỳ tổ chức nào. Ngoài ra, Nhà trường cần đề ra những chính sách khuyến học nhằm thu hút các bạn sinh viên trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay.

Đối với nhóm dịch chuyển sinh viên, Nhà trường cần đầu tư hơn nữa cho việc trao đổi sinh viên đi học nước ngoài. Sự đa dạng trong sinh viên là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy quá trình quốc tế hóa của Trường lên tầm cao mới.

Đối với nhóm môi trường hợp tác quốc tế, Nhà trường cần chú trọng hơn nữa về việc hợp tác quốc tế, giao lưu với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới. Giữ vững mối quan hệ đối tác chiến lược, tổ chức các hội thảo quốc tế, động viên cán bộ giảng viên tham gia các chương trình liên kết quốc tế. Thông qua những hoạt động hợp tác quốc tế này, Nhà trường sẽ có nhiều cơ hội trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

4.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Chủ đề quốc tế hóa giáo dục là một chủ đề mang tính mới và sẽ không tránh khỏi những hạn chế nhất định.

Do thời gian còn hạn chế vì vậy tác giả chưa lựa chọn được nhiều mô hình để tăng tính chính xác cho nghiên cứu. Vì vậy, các nghiên cứu tiếp theo cần xem xét tham khảo thêm nhiều mô hình để tăng độ tin cậy cho kết quả của bài nghiên cứu.

Đối tượng khảo sát là các cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu sau có thể bổ sung thêm đối tượng là sinh viên của Nhà trường.

Các nghiên cứu khác trong tương lai có thể so sánh việc thực hiện quốc tế hóa tại các trường công lập, trường ngoài công lập để thấy được sự khác nhau của các trường nhằm đưa ra những tiêu chí đánh giá cho việc thực hiện quốc tế hóa.

Trong nghiên cứu này đã đưa ra sáu nhân tố chính có ảnh hưởng đến việc thực hiện quốc tế hóa giáo dục đại học giúp cho những nghiên cứu sau có thể tham khảo để phục vụ nghiên cứu tại một đơn vị khác.

Lời cảm ơn

Công trình này được hoàn thành là một phần kết quả nghiên cứu đề tài cấp cơ sở của Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM (CS-CB21-QL-01). Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] J. Muyaka, "The status of internationalization of higher education in Kenya: the case of University diversity," *Journal of Emerging Trends in Educational Research and Policy Studies*, vol. 10, no. 2, pp. 106-114, 2019.
- [2] Ministry of education and training, "Regarding the value of using the degree," 2021. [Online]. Available: <https://moet.gov.vn/bovoinguidan/Pages/hoi-dap.aspx?ItemID=8214>. [Accessed May 20, 2021].
- [3] J. C. Shin and G. Harman, "New challenges for higher education: global and Asia-Pacific perspectives," *Asia Pacific Education*, pp. 1-13, 2009, doi: 10.1007/s12564-009-9011-6.
- [4] R. Bendriss, *Internationalization efforts at state Universities in Florida*, Ed. D, University of Central Florida, Orlando, Florida, 2007.
- [5] J. M. C. Chin and G. S. Ching, "Trends and Indicators of Taiwan's Higher Education Internationalization," *The Asia-Pacific Education Researcher*, vol. 18, no. 2, pp. 185-203, 2009.
- [6] K. F. Vajargah and M. Khoshnoodifar, "Toward a distance education based strategy for internationalization of the curriculum in higher education of Iran," *The Turkish Online Journal of Educational Technology*, vol. 12, pp. 346-349, Apr. 2013.
- [7] S. Ramanathan, S. Thambiah, and K. Raman, "A perception based analysis of internationalization at Malaysian private Universities," *International Journal of Business and Management*, vol. 7, no. 4, pp. 13-25, Feb. 2012.
- [8] T. T. H. Pham, T. H. Tran, and K. O. Nguyen, "Internationalization of Higher Education in the Context of Higher Education Autonomy: A Case Study of Vietnam National University, Hanoi," *VNU Journal of Science: Education Research*, vol. 35, no. 2, pp. 41-51, 2019.
- [9] D. P. Nguyen, M. Vickers, T. M. C. Ly, and M. D. Tran, "Internationalizing higher education (HE) in Vietnam," *Education and Training*, vol. 58, no. 2, pp. 193-208, Nov. 2015.
- [10] T. T. Tran, "Internationalization of higher education in Vietnam opportunities and challenges," *VNU Journal of Science: Foreign Studies*, vol. 30, no. 3, pp. 61-69, Sep. 2014.
- [11] T. H. V. Nguyen, *Research and develop a strategy for internationalization of higher education for the Ho Chi Minh City University of Transport for 2016 – 2017*. Ho Chi Minh, VietNam, 2015.

-
- [12] J. F. Hair, W. C. Black, B. J. Babin, R. E. Anderson, and R. L. Tatham, *Multivariate data analysis*, 6th ed, Pearson Prentice Hall, 2006.
- [13] P. H. Dinh, *Quantitative research method & practical research in development economics – agriculture*. Oriental publishing house, Ho Chi Minh, Vietnam, 2011.
- [14] D. T. Nguyen, *Scientific research methods in business*. Labour and Social Publisher Company Limited, Ha Noi, Vietnam, 2013.
- [15] Alhalwaki, “Factors affecting the implementation of internationalisation strategies in higher education institutions: evidence from Bahrain,” *International Journal of Management in Education*, vol. 13, no. 1, pp. 1-27, Jan. 2019.
- [16] D. George and P. Mallery, *SPSS for Windows step by step: A simple guide and reference Boston*. MA: Allyn and Bacon, 2003.
- [17] M. Yemini, “Internationalization assessment in schools: Theoretical contributions and practical implications,” *Journal of Research in International Education*, vol. 11, no. 2, pp. 152-164, 2012.
- [18] M. Harari, “Internationalization of the Curriculum,” in *Bridges To The Future: Strategies For Internationalizing Higher Education*, C. B. Klasek, B. J. Garavalia, K. J. Kellerman, B. B. Marx, Eds. Carbondale, Illinois, pp-52-79, 1992.
- [19] W. K. Cummings, and M. J. Finkelstein, Eds., *Scholars in the Changing American Academy*, Washington, America, pp. 111-119, 2012.
- [20] K. Shailer, *Internationalizing the curriculum: An inventory of key issues, model programs and resources*, Canada, Academic colleague, OCAD, 2006.
- [21] A. T. Bui and T. H. Pham, “Organizational structure,” *Organizational Behavior Syllabus*, Ha Noi, Vietnam, National Economics University Publishing house, 2009.
- [22] H. D. Wit, *Internationalization of higher education in the United States of America and Europe: A historical, comparative, and conceptual analysis*, American, 2002.
- [23] L. Siaya and F. M. Hayward, *Mapping Internationalization on U.S. Campuses*. American Council on Education, Washington, America, 2003.
- [24] R. Britez and A. P. Michael, “Internationalization and the Cosmopolitical University,” *Policy Futures in Education*, vol. 8, no. 2, pp. 201-216, 2010.
- [25] A. Rauhvargers, *Global University Rankings and Their Impact Report II*. European University Association, Brussels, 2013.
- [26] D. Schoorman, *How is internationalization implemented? A framework for organizational practice*, 2000.
- [27] V. D. Wende, “Internationalization policies: about new trends and contrasting paradigms,” *Higher Education Policy*, vol. 14, no. 3, pp. 249-259, 2001.
- [28] S. Reichert, “The intended and unintended effects of the Bologna Reforms,” *Higher Education Management and Policy*, vol. 22, no. 1, pp. 59-78, 2010.
- [29] M. K. Almsafir and I. F. Bourini, “Measuring the Awareness of Malaysian Private Universities towards Globalized Accreditation,” *Journal of Advanced Social Research*, vol. 1, no. 1, pp. 11-19, Sep. 2011.